

ĐỀ THI HỌC KÌ 2 – ĐỀ SỐ 2

MÔN: TIẾNG ANH 11 CHƯƠNG TRÌNH MỚI



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. A	6. A	11. A	16. cultural	21. C	26. T	36. worry about
2. D	7. C	12. B	17. talking	22. C	27. NG	37. catches up with
3. A	8. C	13. B	18. excavation	23. B	28. F	38. aches and pains
4. B	9. C	14. C	19. B	24. F	29. T	39. more healthily
5. C	10. B	15. C	20. A	25. F		40. seven or eight

30. Having spent all his money, he decided to go home and ask his father for a job.

31. Having met her before, I still remember that.

32. Trang An Scenic Landscape Complex is the eighth World Heritage Site in Vietnam to have been recognised by UNESCO.

33. Neil Amstrong was the first man to walk on the moon.

34. I come from a city located in the southern part of the country.

35. Nam's father reminded him to take his medicine regularly.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1. A

Kiến thức: Phát âm “e”

Giải thích:

A. prepare /prɪ'peə(r)/

B. preparation /,prepə'reɪʃn/

C. settle /'setl/

D. effect /ɪ'fekt/

Phần gạch chân đáp án A phát âm là /ɪ/, còn lại là /e/.

Chọn A

2. D

Kiến thức: Phát âm “i”

Giải thích:

A. critical /'krɪtɪkl/

B. academic /,ækə'demɪk/

C. university /,ju:nɪ'vɜ:səti/

D. excited /ɪk'saɪtɪd/

Phần gạch chân đáp án D phát âm là /aɪ/, còn lại là /ɪ/.

Chọn D

3. A

Kiến thức: Phát âm “ine”

Giải thích:

A. cuisine /kwɪ'zi:n/

B. shine /ʃaɪn/

C. pine /paɪn/

D. underline /ˌʌndə'laɪn/

Phân gạch chân đáp án A phát âm là /i:n/, còn lại là /aɪn/.

Chọn A

4. B

Kiến thức: Trọng âm từ có 2 âm tiết

Giải thích:

A. supply /sə'plai/

B. tourist /'tʊərɪst/

C. emerge /i'mɜ:dʒ/

D. superb /su:'pɜ:b/

Trọng âm đáp án B vào âm tiết thứ nhất, còn lại vào âm tiết thứ hai.

Chọn B

5. C

Kiến thức: Trọng âm từ có 2,4,5 âm tiết

Giải thích:

A. environment /ɪn'vaɪrənmənt/

B. responsible /rɪ'spɒnsəbl/

C. environmental /ɪn'vaɪrənməntl/

D. response /rɪ'spɒns/

Trọng âm đáp án C vào âm tiết thứ tư, còn lại vào âm tiết thứ hai.

Chọn C

6. A

Kiến thức: Câu điều kiện loại 0

Giải thích:

Câu điều kiện loại 0 diễn tả sự thật hiển nhiên.

Cấu trúc: If + S + V(hiện tại), S + V(hiện tại)

Tạm dịch: Nếu bạn làm đóng băng nước, nó trở thành chất rắn.

Chọn A

7. C

Kiến thức: Câu hỏi đuôi

Giải thích:

Khi về trước mang ý nghĩa phủ định thì câu hỏi đuôi phải ở dạng khẳng định và ngược lại.

Nobody (không ai cả) mang nghĩa phủ định nên câu hỏi đuôi ở thể khẳng định và thay “nobody” bằng đại từ “they”.

“called” ở thì quá khứ đơn nên mượn trợ động từ “did”.

Tạm dịch: Không ai gọi điện thoại phải không?

Chọn C

8. C

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. diversity (n): sự đa dạng

B. ecological balance (n): sự cân bằng sinh thái

C. vehicle permission (n): khí thải từ xe cộ

D. single (adj): đơn, độc thân

Tạm dịch: Nhà nước nên có những biện pháp để giảm thiểu khí thải từ xe cộ.

Chọn C

9. C

Kiến thức: Mệnh đề rút gọn

Giải thích:

Câu đầy đủ: After we **had made** all necessary preparations, we put our plan into action.

Khi 2 mệnh đề của câu đồng chủ ngữ, ta có thể lược bỏ bớt “after”, chủ ngữ “we”, động từ đổi về dạng Ving khi mệnh đề được rút gọn mang nghĩa chủ động.

Câu rút gọn: **Having made** all necessary preparations, we put our plan into action.

Tạm dịch: Sau khi đã có những chuẩn bị cần thiết, chúng tôi thực hiện kế hoạch.

Chọn C

10. B

Kiến thức: Cấu trúc với “deny”

Giải thích:

deny + Ving: phủ nhận làm gì

deny + having P2: phủ nhận đã làm gì

Tạm dịch: Anh ấy phủ nhận rằng mình đã nói sẽ chịu trách nhiệm làm dự án.

Chọn B

11. A

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. forests (n): rừng
- B. soil (n): đất
- C. water (n): nước
- D. fossil fuels (n): nhiên liệu hoá thạch

Tạm dịch: “Nghĩ trước khi in” là khẩu hiệu để khuyến khích mọi người bảo vệ rừng.

Chọn A

12. B

Kiến thức: Thì hiện tại hoàn thành

Giải thích:

Thì hiện tại hoàn thành diễn tả hành động đã hoàn thành cho tới thời điểm hiện tại mà không đề cập tới nó xảy ra khi nào.

Cấu trúc: S + have/ has P2

Tạm dịch: Tôi đã đọc 2 cuốn sách về bảo vệ môi trường để hoàn thành bài tập này.

Chọn B

13. B

Kiến thức: Thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn

Giải thích:

Thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn diễn tả hành động bắt đầu ở quá khứ và còn đang tiếp tục ở hiện tại (nhấn mạnh tính liên tục).

Cấu trúc: S + have/has been V-ing

Tạm dịch: Tôi đã làm bài nghiên cứu từ tuần trước. Tôi sẽ hoàn thành nó vào thứ 6 này.

Chọn B

14. C

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. achievement (n): thành tựu
- B. healthcare (n): chăm sóc sức khỏe
- C. quality of life: chất lượng cuộc sống
- D. transportation (n): sự đi lại

Tạm dịch: Chúng tôi cải thiện chất lượng cuộc sống của dân cư bằng việc giảm thiểu ô nhiễm.

Chọn C

15. C

Kiến thức: Dạng của động từ

Giải thích: Sau giới từ (of) ta chia động từ ở dạng V-ing.

Tạm dịch: Ba học sinh bị nghi ngờ đã gian lận trong bài thi.

Chọn C

16. cultural**Kiến thức:** Từ loại**Giải thích:**

culture (n): văn hoá

cultural (adj): thuộc văn hoá

Trước danh từ “sites” ta dùng tính từ.

Tạm dịch: Di sản văn hoá Tràng An bao gồm cả những khu tự nhiên và văn hoá.

Đáp án: cultural

17. talking**Kiến thức:** Mệnh đề quan hệ rút gọn**Giải thích:**

Câu đầy đủ: The young man who is talking with the principal is our new teacher.

Khi rút gọn, ta bỏ “who” và động từ to be “is”.

Câu rút gọn: The young man **talking** with the principal is our new teacher.**Tạm dịch:** Người đàn ông trẻ đang nói chuyện với hiệu trưởng là giáo viên mới của chúng ta.

Đáp án: talking

18. excavation**Kiến thức:** Từ loại**Giải thích:**

excavate (v): khai quật

excavation (n): sự khai quật

Sau mạo từ “the” dùng danh từ.

Tạm dịch: Sự khai quật sẽ tồn tại trong vài năm vì các học giả tin rằng vẫn còn di tích được chôn cất trong địa điểm này.

Đáp án: excavation

19. B**Kiến thức:** Liên từ**Giải thích:**

A. so that: vậy nên

B. due to: bởi vì (+ danh từ)

C. in spite of: mặc dù

D. because: bởi vì (+ mệnh đề)

Global warming is the rise in the average temperature of the earth (19) **due to** the increase of greenhouse gases.**Tạm dịch:** Sự nóng lên toàn cầu là sự gia tăng nhiệt độ trung bình của trái đất do sự gia tăng của khí nhà kính.

Chọn B

20. A

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. humans (n): con người
- B. the old: người già
- C. adults (n): người lớn
- D. the young: người trẻ tuổi

Climate scientists now believe that **(20) humans** are mainly responsible for this.

Tạm dịch: Các nhà khoa học khí hậu hiện tin rằng con người chịu trách nhiệm chính cho việc này.

Chọn A

21. C

Kiến thức: Từ loại

Giải thích:

- A. emit (v): thải
- B. emitting (v-ing): thải
- C. emission (n): sự thải ra
- D. emitted (v-ed): thải ra

Sau mạo từ “the” ta dùng danh từ.

The burning of fossil fuels and the cutting down of large areas of forests have contributed to the **(21) emission** of a large amount of harmful gases into the atmosphere in recent years.

Tạm dịch: Việc đốt nhiên liệu hóa thạch và chặt phá các khu vực rộng lớn của rừng đã góp phần phát thải một lượng lớn khí độc hại vào khí quyển trong những năm gần đây.

Chọn C

22. C

Kiến thức: Phrasal verbs

Giải thích:

- A. bring down: làm ai ngã
- B. result from: gây nên bởi
- C. result in: gây ra
- D. give back: đưa lại

Global warming **(22) results in** climate change and catastrophic weather patterns such as heat waves, floods, droughts, and storms, which can affect human lives.

Tạm dịch: Sự nóng lên toàn cầu gây nên biến đổi khí hậu và các kiểu thời tiết thảm khốc như sóng nhiệt, lũ lụt, hạn hán và bão có thể ảnh hưởng đến cuộc sống của con người.

Chọn C

23. B**Kiến thức:** Giới từ**Giải thích:**

suffer from (v): trải qua, chịu đựng

Hundreds of millions of people may suffer (23) **from** famine, water shortages, and extreme weather conditions if we do not reduce the rate of global warming.

Tạm dịch: Hàng trăm triệu người có thể phải chịu nạn đói, thiếu nước và điều kiện thời tiết khắc nghiệt nếu chúng ta không giảm tốc độ nóng lên toàn cầu.

Chọn B

Dịch bài đọc:

Sự nóng lên toàn cầu là sự gia tăng nhiệt độ trung bình của trái đất do sự gia tăng của khí nhà kính. Các nhà khoa học khí hậu hiện tin rằng con người chịu trách nhiệm chính cho việc này. Việc đốt nhiên liệu hóa thạch và chặt phá các khu vực rộng lớn của rừng đã góp phần phát thải một lượng lớn khí độc hại vào khí quyển trong những năm gần đây. Lớp dày của các khí này giữ nhiệt nhiều hơn từ mặt trời, dẫn đến sự gia tăng nhiệt độ trái đất.

Sự nóng lên toàn cầu gây nên biến đổi khí hậu và các kiểu thời tiết thảm khốc như sóng nhiệt, lũ lụt, hạn hán và bão có thể ảnh hưởng đến cuộc sống của con người. Hàng trăm triệu người có thể phải chịu nạn đói, thiếu nước và điều kiện thời tiết khắc nghiệt nếu chúng ta không giảm tốc độ nóng lên toàn cầu.

24. F**Kiến thức:** Đọc hiểu**Giải thích:**

Không thể thay đổi các hoạt động và thói quen hằng ngày => sai

Thông tin: Although it is often difficult to change your habits, reorganising your daily activities to achieve a healthy lifestyle is not impossible.

Tạm dịch: Mặc dù thường rất khó để thay đổi thói quen của bạn, nhưng việc sắp xếp lại các hoạt động hàng ngày của bạn để đạt được một lối sống lành mạnh là không phải không thể.

Chọn F

25. F**Kiến thức:** Đọc hiểu**Giải thích:**

Để giảm cholesterol, bạn cần tập thể dục nhiều hơn 30 phút mỗi ngày => sai

Thông tin: Scientists have proved that regular exercise can help to reduce cholesterol and the risk of heart disease. Remember that you do not need to do too much exercise - just a 30-minute walk a day will bring health benefits.

Tạm dịch: Các nhà khoa học đã chứng minh rằng tập thể dục thường xuyên có thể giúp giảm cholesterol và nguy cơ mắc bệnh tim. Hãy nhớ rằng bạn không cần phải tập thể dục quá nhiều - chỉ cần đi bộ 30 phút mỗi ngày sẽ mang lại lợi ích cho sức khỏe.

Chọn F

26. T

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Các hoạt động thể chất nên được thực hiện không chỉ thường xuyên mà còn phải an toàn. => đúng

Thông tin: But it is important that you do it regularly and safely.

Tạm dịch: Nhưng điều quan trọng là bạn làm điều đó thường xuyên và an toàn.

Chọn T

27. NG

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Mặc dù đồ ăn nhanh có thể dẫn tới bệnh béo phì, nó có những lợi ích nhất định. => không có thông tin

Chọn NG

28. F

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Bạn nên tiêu thụ ít chất béo và nhiều đường hơn để cân bằng năng lượng bạn dùng với năng lượng nạp vào cơ thể bạn. => sai

Thông tin: Eat the right amount of calories to balance the energy you get from food and the energy you use.

Tạm dịch: Ăn đúng lượng calo để cân bằng năng lượng bạn có được từ thực phẩm và năng lượng bạn sử dụng.

Chọn F

29. T

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Áp lực và sự tức giận có thể ảnh hưởng tiêu cực tới tuổi thọ của con người. => đúng

Thông tin: Recent research has confirmed that angry, hostile people live a shorter life.

Tạm dịch: Nghiên cứu gần đây đã xác nhận rằng những người tức giận, thù địch sống một cuộc đời ngắn hơn.

Chọn T

Dịch bài đọc:

Thay đổi lối sống để có sức khỏe tốt hơn

Như một cách sống, lối sống là những hành vi, hoạt động và chế độ ăn uống hàng ngày. Nó liên quan đến công việc, hoạt động giải trí, tiêu thụ thực phẩm và đồ uống của bạn và tương tác với mọi người. Đó là lý do tại sao điều quan trọng là có một lối sống lành mạnh. Mặc dù thường rất khó để thay đổi thói quen của bạn, nhưng việc sắp xếp lại các hoạt động hàng ngày của bạn để đạt được một lối sống lành mạnh là không phải không thể. Dưới đây là một số bước bạn cần thực hiện để có một cuộc sống và sức khỏe tốt hơn.

Trở nên năng động hơn

Các nhà khoa học đã chứng minh rằng tập thể dục thường xuyên có thể giúp giảm cholesterol và nguy cơ mắc bệnh tim. Hãy nhớ rằng bạn không cần phải tập thể dục quá nhiều - chỉ cần đi bộ 30 phút mỗi ngày sẽ mang lại lợi ích cho sức khỏe. Nhưng điều quan trọng là bạn làm điều đó thường xuyên và an toàn. Những việc đơn giản như đi bộ hoặc đi xe đạp đến trường, sử dụng cầu thang thay vì thang máy, làm việc nhà và làm vườn đều có thể góp phần mang lại sức khỏe tốt.

Hơn nữa, các sở thích như khiêu vũ, đọc, nghe nhạc, chơi cờ và giải ô chữ hoặc câu đố sudoku cũng là những cách tốt để giữ cho cơ thể và tâm trí của bạn tham gia, và tăng tuổi thọ. Bất kể bạn đang ở đâu - ở nhà, tại nơi làm việc hay vui chơi - luôn tìm kiếm cơ hội để năng động và tràn đầy năng lượng hơn.

Ăn uống lành mạnh

Ăn để sống, không sống để ăn là lời khuyên nên tuân theo. Thực phẩm và đồ uống chúng ta tiêu thụ có thể ảnh hưởng đáng kể đến sức khỏe của chúng ta. Dinh dưỡng xấu dựa trên thức ăn nhanh, và bữa ăn nhiều chất béo và đường có thể dẫn đến béo phì, tiểu đường, một số loại ung thư và các bệnh mãn tính khác. Lập kế hoạch và tuân theo chế độ ăn uống lành mạnh và cân bằng không khó chút nào. Ăn đúng lượng calo để cân bằng năng lượng bạn có được từ thực phẩm và năng lượng bạn sử dụng. Hãy chắc chắn rằng bạn có một loạt các loại thực phẩm để nhận được tất cả các chất dinh dưỡng bạn cần. Hãy nhớ ăn ít chất béo bão hòa, đường và muối, và nhiều cá, trái cây và rau quả.

Sống tích cực và hạnh phúc

Một khi bạn đã bắt đầu năng động hơn và ăn uống lành mạnh hơn, bạn có thể nhận thấy rằng bạn cũng cảm thấy hạnh phúc hơn. Không có nghi ngờ rằng lo lắng và căng thẳng hàng ngày có thể làm hỏng trái tim và não của bạn. Khi bạn đang chịu nhiều căng thẳng, bạn có thể dễ dàng nổi giận. Sự tức giận và thù địch có tác động tiêu cực đến hệ thống tim mạch. Nghiên cứu gần đây đã xác nhận rằng những người tức giận, thù địch sống một cuộc đời ngắn hơn. Hãy cố gắng kiểm chế cơn giận của bạn, luôn nhìn vào mặt tích cực của mọi tình huống và lạc quan. Nếu cần thiết, hãy tập thiền sor-e và yoga để giúp bạn giảm bớt căng thẳng và tức giận, và tận hưởng cuộc sống nhiều hơn.

30.

Kiến thức: Câu rút gọn

Giải thích:

Khi 2 mệnh đề trong câu đồng chủ ngữ, ta có thể lược bỏ chủ ngữ của một vế, động từ đổi sang dạng Having PP khi hành động trong mệnh đề được rút gọn xảy ra trước hành động trong mệnh đề còn lại.

Tạm dịch: Sau khi tiêu hết tiền, anh ấy đã quyết định về nhà và xin bố một công việc.

Đáp án: Having spent all his money, he decided to go home and ask his father for a job.

31.

Kiến thức: Câu rút gọn

Giải thích:

Khi 2 mệnh đề trong câu đồng chủ ngữ, ta có thể lược bỏ chủ ngữ của một vế, động từ đổi sang dạng Having PP khi hành động trong mệnh đề được rút gọn xảy ra trước hành động trong mệnh đề còn lại.

Tạm dịch: Tôi từng gặp cô ấy một lần và tôi vẫn nhớ điều đó.

Đáp án: Having met her before, I still remember that.

32.

Kiến thức: Mệnh đề quan hệ rút gọn

Giải thích:

Khi rút gọn mệnh đề quan hệ, trước danh từ có số thứ tự ta rút gọn về dạng “to V”.

that has been recognised => to have been recognised

Tạm dịch: Khu phức hợp danh lam thắng cảnh Tràng An là Di sản Thế giới thứ tám tại Việt Nam đã được UNESCO công nhận.

Đáp án: Trang An Scenic Landscape Complex is the eighth World Heritage Site in Vietnam to have been recognised by UNESCO.

33.

Kiến thức: Mệnh đề quan hệ rút gọn

Giải thích:

Mệnh đề quan hệ đứng sau “only”, “first”, “second”,... thì ta có thể rút gọn thành “to V”.

the first man who walked => the first man to walk

Tạm dịch: Neil Amstrong là người đầu tiên đi trên mặt trăng.

Đáp án: Neil Amstrong was the first man to walk on the moon.

34.

Kiến thức: Mệnh đề quan hệ rút gọn

Giải thích:

Khi rút gọn mệnh đề quan hệ mang nghĩa bị động, ta bỏ “that” và động từ “to be” giữa lại Ved/ V3.

Tạm dịch: Tôi tới từ một thành phố ở phía nam đất nước.

Đáp án: I come from a city located in the southern part of the country.

35.

Kiến thức: Câu gián tiếp

Giải thích: Công thức: remind sb to V: nhắc ai đó làm gì

Tạm dịch: Bố Nam nói với anh ấy: “Con đừng quên uống thuốc thường xuyên nhé.”

= Bố của Nam đã nhắc anh ấy uống thuốc thường xuyên.

Đáp án: Nam's father reminded him to take his medicine regularly.

36. worry about**Kiến thức:** Nghe và điền từ**Giải thích:**

Công thức: used to + V (đã từng – thói quen trong quá khứ hiện tại không còn nữa)

worry about sth: lo lắng về cái gì

I never used to **(36) worry about** my health until recently.**Tạm dịch:** Tôi chưa từng lo lắng về sức khỏe của mình mãi cho đến gần đây.

Đáp án: worry about

37. catches up with**Kiến thức:** Nghe và điền từ**Giải thích:**

Công thức thì hiện tại đơn: S + V(s/es); chủ ngữ “time” số ít nên động từ thêm “-s/es”.

catch up with: đuổi kịp

I suppose time **(37) catches up with** you.**Tạm dịch:** Tôi cho rằng thời gian đã đuổi kịp bạn.

Đáp án: catches up with

38. aches and pains**Kiến thức:** Nghe và điền từ**Giải thích:**

Sau tính từ “little” cần dùng danh từ/ cụm danh từ.

aches and pains: những cơn nhức mỏi

Now I seem to be getting lots of little **(38) aches and pains**.**Tạm dịch:** Bây giờ có vẻ như tôi đang có nhiều chỗ đau nhức và nhiều chỗ bị đau.

Đáp án: aches and pains

39. more healthily**Kiến thức:** Nghe và điền từ**Giải thích:**

Sau động từ “eat” cần dùng danh từ/ trạng từ.

Phía sau có “than” nên chỗ trống cần điền là so sánh hơn của trạng từ.

more healthily: một cách khoẻ mạnh hơn

One good thing is that I’m eating **(39) more healthily** now than ever before.**Tạm dịch:** Một điều tốt là bây giờ tôi ăn uống lành mạnh hơn trước đây.

Đáp án: more healthily

40. seven or eight**Kiến thức:** Nghe và điền từ**Giải thích:**

Trước danh từ số nhiều “hours” cần tính từ hoặc từ chỉ số lượng

seven or eight: bảy hoặc tám

I've read that getting (40) seven or eight hours sleep every night is one of the best things you can do for your health.

Tạm dịch: Tôi đọc được ở đâu đó rằng ngủ 7 hoặc 8 tiếng mỗi đêm là một trong những việc tốt đẹp nhất bạn có thể làm cho sức khỏe của mình.

Đáp án: seven or eight

Tapescript:

I never used to worry about my health until recently. When I was a kid, I did loads of exercise. Even in my twenties and thirties I was very fit and never ill. I have been lucky all my life – always in the best of health. I rarely get even a cold. I suppose time catches up with you. Now I seem to be getting lots of little aches and pains. I should go to the doctor for a health check, but I'm too busy. The older you get, the more you worry about your health. One good thing is that I'm eating more healthily now than ever before. I no longer have fast food and midnight snacks. I also sleep a lot more. I've read that getting seven or eight hours sleep every night is one of the best things you can do for your health.

Dịch bài nghe:

Tôi chưa bao giờ lo lắng về sức khỏe của mình cho đến gần đây. Khi tôi còn là một đứa trẻ, tôi đã tập thể dục rất nhiều. Ngay cả ở tuổi hai mươi và ba mươi, tôi rất khỏe mạnh và không bao giờ bị bệnh. Tôi đã may mắn suốt đời - luôn trong tình trạng sức khỏe tốt nhất. Tôi hiếm khi bị cảm lạnh. Tôi cho rằng thời gian đuổi kịp bạn. Bây giờ tôi dường như nhận được rất nhiều đau nhức. Tôi nên đến bác sĩ để kiểm tra sức khỏe, nhưng tôi quá bận. Càng lớn tuổi, bạn càng lo lắng về sức khỏe của mình. Một điều tốt là tôi ăn uống lành mạnh hơn bao giờ hết. Tôi không còn có đồ ăn nhanh và đồ ăn nhẹ nửa đêm. Tôi cũng ngủ nhiều hơn. Tôi đã đọc rằng ngủ bảy hoặc tám giờ mỗi đêm là một trong những điều tốt nhất bạn có thể làm cho sức khỏe của mình.

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com

Loigiai